

VẤN ĐỀ ĐỔI MỚI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ Ở VIỆT NAM

■ Ths. **HỒ THANH THỦY**

*Viện Kinh tế, Học viện Chính trị -
Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh*

Cùng với những thách thức của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, Việt Nam đang đối mặt với một thách thức không nhỏ, đó là những khó khăn và bất ổn nội tại ngày càng bộc lộ. Để tránh những nguy cơ, Chính phủ đã buộc phải chuyển hướng trong chính sách từ tăng trưởng sang ổn định. Và như một lộ trình tất yếu, vấn đề tái cơ cấu một lần nữa được đặt ra và nhận được sự đồng thuận cao. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng đã được Hội nghị lần thứ ba, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI xác định là một trong những trọng tâm quan trọng trong phát triển kinh tế giai đoạn 2011 - 2015 và được cụ thể hóa bằng chính sách của Chính phủ cũng như hành động của mỗi thực thể kinh tế.

1. Điểm yếu của mô hình tăng trưởng kinh tế hiện hành

Việt Nam đã tăng trưởng cao liên tục trong hơn 25 năm qua, tạo ra một Việt Nam mới được cả thế giới thừa nhận. Trong quá trình này, kinh tế Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu có ý nghĩa to lớn: tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn bất cứ giai đoạn nào trước đó và được xếp vào nhóm những nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm cao nhất thế giới trong suốt thời kỳ đổi mới. Theo chỉ tiêu GDP bình quân đầu người, Việt Nam đã vượt qua ngưỡng nghèo để tham gia vào nhóm các nước thu nhập trung bình; thành tựu xóa đói, giảm nghèo được thế giới thừa nhận là ấn tượng...

Tuy nhiên, sau chặng đường dài hơn 1/4 thế kỷ thực hiện các chính sách đổi mới, một số điểm yếu của mô hình tăng trưởng kinh tế đang bộc lộ

rõ nét, thậm chí có mặt trở thành nhân tố gây cản trở quá trình tăng trưởng.

Theo nhận định của các chuyên gia kinh tế trong và ngoài nước, mô hình tăng trưởng của Việt Nam đã gần đến giới hạn sau khi giúp đưa nền kinh tế phát triển vượt bậc trong hơn 25 năm qua. Mô hình phát triển được áp dụng từ trước tới nay không còn phù hợp với Việt Nam nữa. Cho dù Việt Nam vẫn duy trì được mức tăng trưởng trong những thập kỷ qua, song mức thịnh vượng chung và năng suất của nền kinh tế là quá thấp. Tăng trưởng hiện tại của Việt Nam đang dựa trên một mô hình kinh tế mà dư địa còn lại không nhiều. Michael Porto, người được mệnh danh là "cha đẻ" của chiến lược cạnh tranh nhận xét, tăng trưởng của Việt Nam hiện nay chủ yếu dựa vào việc khai thác các lợi thế có sẵn như tài nguyên và nhân công giá rẻ... Nếu không vượt qua được cách thức tăng trưởng hiện nay Việt Nam sẽ bị tắc ở mức thu nhập trung bình thấp và phải đối mặt với sự cạnh tranh từ các nước có thu nhập thấp hơn đang trỗi dậy. Điều này dẫn đến một số hệ quả như đã thấy trong giai đoạn bất ổn vĩ mô và suy giảm kinh tế gần đây.

- Thứ nhất, hiệu quả của nền kinh tế còn thấp

Trong giai đoạn đầu của quá trình phát triển, với một thị trường nội địa lớn, xuất khẩu rộng mở, tài nguyên sẵn có và chấp nhận bán sức lao động giá rẻ... với sự cộng hưởng của tài chính và kỹ thuật mà "mở cửa" trong thu hút đầu tư mang lại, Việt Nam dễ dàng đạt được sự tăng trưởng vượt

bạc. Về giá trị tuyệt đối, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam thuộc loại khá cao, nhưng so với các nền kinh tế đang chuyển đổi khác, Việt Nam là nước duy nhất có tốc độ tăng trưởng 10 năm sau (2001 - 2010) thấp hơn so với 10 năm trước (1991 - 2000).

Là một trong những nước đang phát triển rất thiếu vốn, nhưng phương thức tăng trưởng của Việt Nam lại chủ yếu dựa vào thâm dụng vốn - yếu tố vốn đóng góp trên 52,7% tăng trưởng GDP. Trong khi lợi thế lao động trẻ, dồi dào cùng với nhân tố năng suất tổng hợp (TFP) chỉ đóng góp cho tăng trưởng chưa đến 50%. Ở các nước phát triển, tỷ lệ đóng góp của riêng TFP vào kết quả tăng trưởng thường chiếm tỷ trọng cao hơn nhiều, từ 50 - 60%.

Sự phụ thuộc nhiều vào vốn đầu tư để tăng trưởng dẫn đến hệ quả là, muốn duy trì mức tăng trưởng cao phải tiếp tục tăng vốn thêm nữa. Trong khi đó, nền kinh tế còn nghèo, tỷ lệ tiết kiệm thấp nên khó tăng từ bên trong. Muốn tăng thêm nữa phải dựa nhiều hơn vào các nguồn vốn bên ngoài, nhưng trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế thế giới hiện nay, cả vốn FDI lẫn các nguồn khác đều có hạn và tỏ ra không chắc chắn.

Mặt khác, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam vẫn chưa dựa nhiều vào tri thức, khoa học - công nghệ. Chỉ số kinh tế tri thức còn rất thấp, chưa đạt được điểm trung bình. Theo đánh giá do Viện nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới đưa ra, thì chỉ số kinh tế tri thức của Việt Nam năm 2008 là 3,02, xếp thứ 102 trong số 133 quốc gia được phân tích. Chỉ số này của Việt Nam tuy cao hơn của nhóm thu nhập thấp nhưng thấp hơn nhiều so với chỉ số của nhóm nước thu nhập trung bình thấp (4,1). So với các nước trong khu vực, chỉ số kinh tế tri thức của nước ta chưa bằng 1/2 chỉ số đạt được của nhóm nền kinh tế công nghiệp mới (NIEs gồm Hàn Quốc, Singapore, Đài Loan, Hồng Kông), thấp hơn khá nhiều so với Malaysia, Thái Lan, Trung Quốc và Philippines.

Đáng lẽ đi cùng với quá trình đầu tư và thu hút vốn cần phải gia tăng công nghệ, nâng cao năng suất để tạo ra giá trị gia tăng lớn thì chúng ta lại

bơm tiền ra nhiều để gánh lấy hậu quả lạm phát và những bất ổn của nền kinh tế. Sự lệnh hướng đó khiến hiệu quả của nền kinh tế ngày càng thấp, bất ổn ngày càng lớn.

- Thứ hai, nguy cơ thường trực về bất ổn kinh tế vĩ mô.

Mô hình tăng trưởng hiện nay chạy theo chiều rộng (chủ yếu dựa vào tăng vốn) mà không theo chiều sâu (không cải thiện được năng suất). Hệ quả là để tăng trưởng, nền kinh tế Việt Nam cần rất nhiều đầu tư, khiến tín dụng tăng theo. Nhưng do nền kinh tế kém hiệu quả nên kết cục tất yếu là lạm phát cao, thâm hụt ngân sách và thâm hụt cán cân vãng lai lớn.

Điều này được thể hiện rõ qua những chỉ số như: Cơ cấu đầu tư theo thành phần kinh tế từ 2006 - 2011 là: Đầu tư khu vực nhà nước năm 2006 là 45,7%, và khu vực ngoài nhà nước chiếm 38,1%, còn FDI 16,2%; đến năm 2011, đầu tư khu vực nhà nước chiếm 38,9%, khu vực ngoài nhà nước chiếm 35,2%, còn FDI chiếm 25,9%.

Mức đầu tư này thu được tăng trưởng GDP năm 2006 đạt 8,23%; năm 2011 tụt xuống còn 5,89%. Và ngân sách nhà nước giai đoạn 2001 - 2005, thu 24,6% GDP, nhưng chi đến 32,6% GDP; còn giai đoạn 2006 - 2010 thu đạt 27,2% GDP nhưng chi tới 36,3%.

Hơn nữa, năng suất nền kinh tế không thực sự được cải thiện. Nếu giai đoạn 2000 - 2005 đạt trên 25% thì năm 2006 - 2010 chỉ đạt dưới 10%. Trong khi đó, nợ công năm 2007 chiếm 33,8%, năm 2010 lên 56,6%; còn nợ nước ngoài năm 2007 chiếm 32,5%, năm 2010 lên 42,2%; nợ công nước ngoài cũng tăng từ 28,2% năm 2007 lên 30,5% năm 2010. Tổng đầu tư/GDP năm 2006 chiếm 41,5%, năm 2007 là 46,5% nhưng năm 2011 chỉ còn 34,6%. Trong 5 năm từ năm 2007 đến nay, có tới 4 năm mức lạm phát của Việt Nam cao ở mức 2 con số.

Cùng với lạm phát cao, lãi suất cho vay cũng rất cao, nhiều doanh nghiệp rất khó tiếp cận với nguồn vốn vay. Đồng thời, tính thanh khoản của một số ngân hàng yếu. Trong khi đó, một phần vốn

vay ngân hàng lại được các nhà đầu tư sử dụng vào kinh doanh bất động sản. Gặp lúc kinh tế khó khăn, thị trường bất động sản trầm lắng khiến cho dòng vốn đầu tư cho sản xuất càng khó tiếp cận.

Thâm hụt thương mại lớn, lại chủ yếu với một số bạn hàng nhất định, dự trữ ngoại tệ mỏng. Mặc dù tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam bình quân thời kỳ 2001 - 2010 thuộc loại cao, đạt gần 16%/năm, nhưng hàng hóa xuất khẩu chủ yếu là nguyên liệu thô và hàng công nghiệp chế tạo hàm lượng công nghệ thấp, giá trị gia tăng thấp. Từ năm 2007 trở lại đây, mức độ nhập siêu cao và gần như toàn bộ giá trị nhập siêu tập trung một bạn hàng là Trung Quốc.

Tình trạng lạm phát cao, lãi suất cao, nhập siêu lớn và hầu như chỉ với một bạn hàng..., khiến cho mức độ ổn định kinh tế vĩ mô trở nên thiếu vững chắc, lòng tin của nhà đầu tư vào môi trường kinh doanh và của xã hội vào giá trị đồng tiền giảm sút.

- Thứ ba, nhóm lợi ích cản trở cải cách

Những cải cách quan trọng và thành công nhất của Việt Nam kể từ đổi mới chủ yếu liên quan tới khu vực nông nghiệp và dân doanh mà chưa đụng chạm nhiều tới những khu vực được hưởng đặc quyền đặc lợi, nhất là những doanh nghiệp nhà nước lớn. Theo ông Vũ Thành Tự Anh, Giám đốc Nghiên cứu Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright, "Mô hình tăng trưởng dựa vào các doanh nghiệp nhà nước quy mô lớn, có vị thế độc quyền trên thị trường trong nước không những tỏ ra thiếu sức chống đỡ đối với khủng hoảng đến từ bên ngoài, mà trong một chừng mực nào đó, còn là nguyên nhân gây ra sự yếu kém bên trong của nền kinh tế". Ông Tự Anh còn cho rằng, nền kinh tế Việt Nam hiện đang như một bàn cờ mà cột dọc là 22 bộ và các cơ quan ngang bộ, hàng ngang là 63 tỉnh, thành, còn đường chéo là các tập đoàn kinh tế nhà nước và tập đoàn hoạt động đa ngành ở nhiều địa phương khác nhau. Bàn cờ kinh tế đã bị chia cắt thành rất nhiều mảnh nhỏ và các mảnh nhỏ này thường bị chi phối bởi các nhóm độc quyền và đặc quyền, những người có quyền lợi sẽ cố hết sức để bảo vệ

nó như bảo vệ thành trì của mình. Điều này đã, đang và sẽ tiếp tục phá hỏng hoàn toàn chiến lược và quy hoạch tổng thể, dù chiến lược và quy hoạch này đúng đắn đến đâu đi chăng nữa...

2. Một số kiến nghị về đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam

Một là, chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Đầu tư phát triển nguồn nhân lực vừa làm cho kinh tế tăng trưởng vì nó cung cấp một đầu vào quan trọng cho quá trình sản xuất, vừa làm giảm bất bình đẳng vì nó tạo ra cơ hội cho tầng lớp dân cư. Điều này góp phần vào việc nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế. Muốn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cần phải:

- Xác định được những dự báo chiến lược về hàng hoá sức lao động trình độ cao xuất phát từ các yếu tố: yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học, công nghệ hiện đại, hội nhập quốc tế, sự phân công lao động quốc tế... Trên cơ sở đó thực hiện tốt quá trình phân cấp đào tạo cho các trường, các trung tâm đào tạo lớn quốc gia xây dựng mục tiêu cụ thể đến từng ngành học. Ngoài ra, cần tiếp tục thực hiện các chương trình mục tiêu ngành và quốc gia nhằm nâng cao chất lượng cung sức lao động trình độ cao trên cơ sở phát triển mạnh hệ thống giáo dục nghề nghiệp, đổi mới hệ thống giáo dục đại học và sau đại học; tăng tỷ lệ lao động tham gia vào quan hệ thị trường; hoàn thiện hoạt động của các tổ chức trung gian, đẩy mạnh xuất khẩu lao động và nhập khẩu chuyên gia và hoàn thiện các chính sách về thị trường sức lao động trình độ cao.

- Có cơ chế chính sách để phân bổ nguồn nhân lực trình độ cao một cách hợp lý cho các ngành, các vùng, các địa phương. Trước mắt, để sớm có những nguồn lao động có trình độ đào tạo về công tác tại địa phương, nên có chính sách khuyến khích đối với số học sinh nông thôn nghèo bằng chế độ học bổng gắn với điều kiện phân công công tác về địa phương. Ngoài ra, cần khuyến khích công tác tuyển sinh theo hệ cử tuyển: địa phương gửi đến

các trường đào tạo, sau khi tốt nghiệp phải về công tác tại địa phương.

- Xây dựng đội ngũ giáo viên đủ về số lượng và đạt chuẩn quốc gia và quốc tế về chất lượng cho các trường đại học, cao đẳng. Theo dự báo của chúng tôi, muốn đạt được những mục tiêu chung về chất lượng nguồn lao động có trình độ cao, thì đến năm 2020 tỷ lệ sinh viên và giáo viên sẽ phải đạt 1/19; đội ngũ giáo viên có trình độ khá đạt 60% trong tổng số giáo viên là thạc sĩ; 35% là tiến sĩ chuyên ngành.

Hai là, tái cấu trúc nội bộ các ngành kinh tế để hướng tới cơ cấu kinh tế có giá trị gia tăng cao hơn, đưa kinh tế Việt Nam trở thành một bộ phận, một khâu trong chuỗi giá trị của một sản phẩm thế giới, nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế. Nâng cao tỷ lệ giá trị gia tăng trên giá trị sản xuất công nghiệp, giảm tính gia công của nền kinh tế, phát huy hơn nữa lợi thế so sánh. Vấn đề không phải là sản xuất ra cái gì mà sản xuất bằng cách nào có hiệu quả nhất. Có chính sách để thúc đẩy các doanh nghiệp chuyển từ gia công sang sản xuất.

Đồng thời với cơ cấu lại các ngành kinh tế, cần phải có chính sách tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Mặc dù đây không phải là ý kiến mới nhưng thực tế cho đến nay nó luôn là chủ đề được bàn đến trong các kỳ họp của Quốc hội. Hiện tượng sử dụng vốn không hiệu quả, gây thất thoát vẫn đang diễn với mức độ thiệt hại ngày càng lớn. Bài học ở Vinalines, Vinashine vẫn còn nóng hổi và chưa được khắc phục. Để thực hiện được tính hiệu quả trong sử dụng vốn đòi hỏi phải có sự công khai, minh bạch hóa quá trình sử dụng vốn.

Ba là, cần phân bổ hợp lý các nguồn lực

Điều quan trọng của đổi mới mô hình tăng trưởng là làm sao phân bổ và quản lý các nguồn lực một cách hợp lý. Vì thế, xúc tiến đột phá chiến lược và tái cơ cấu nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh là hết sức cần thiết. Hoàn thiện cơ chế huy động các nguồn lực ưu tiên cho các lĩnh vực, dự án có hiệu quả tác động lan tỏa cao, tạo tiền đề tái cơ cấu nền kinh tế thay vì sự phân phối chủ quan và kém hiệu quả của thời gian qua.

Nếu như từ trước đến nay, chúng ta phân bổ nguồn lực thường tập trung vào những khu vực doanh nghiệp nhà nước, hay những chương trình đầu tư duy ý chí mà quên đi những tính toán hiệu quả, hoạt động của doanh nghiệp nhà nước có phần chèn lấn nhiều sang các khối doanh nghiệp khác, đặc biệt là doanh nghiệp tư nhân. Chúng ta đã lấy tập đoàn nhà nước làm đòn bẩy cho nền kinh tế, nhưng thực tế các tập đoàn này hiệu quả kém nên không thực hiện được chức năng đòn bẩy. Để thúc đẩy nền kinh tế phát triển hơn, Việt Nam phải có những cải cách rất mạnh mẽ trong việc phân bổ lại nguồn lực của xã hội. Nhà nước phải có cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho doanh nghiệp tư nhân phát triển hơn nữa vì thực tế đây là khu vực sử dụng vốn có hiệu quả hơn và năng suất cao hơn, động cơ cải thiện năng suất, kỹ thuật cũng cao hơn doanh nghiệp nhà nước.

Một cơ chế mới để phân phối và điều tiết nguồn lực một cách công bằng và hiệu quả là hết sức cần thiết. Theo đó, một thị trường đồng bộ sẽ là hệ thống phân phối nguồn lực công bằng và minh bạch. Một hệ thống thị trường đồng bộ với các yếu tố cạnh tranh lành mạnh thì mọi quyết định đầu tư của doanh nghiệp hay nhà nước đều mang lại hiệu quả vì phải dựa trên những điều kiện đã được phân tích, so sánh lợi thế và hiệu quả không chỉ trong nước mà cả với thế giới.

Với yêu cầu đó, nhiệm vụ của nhà nước phải nâng cao khả năng quản trị, tạo ra môi trường cạnh tranh, lành mạnh, có định hướng tốt... để từ đó có sự công bằng và cạnh tranh trong tiếp cận nguồn lực. Đảm bảo những khu vực hiệu quả nhất sẽ được tiếp cận nguồn lực một cách tốt nhất. ■

Tài liệu tham khảo:

1. Đỗ Phú Trần Tình, *Những tiền đề cần thiết để chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam*, Tạp chí Phát triển kinh tế, số 4/2012.

2. Lê Khắc, *Tái cơ cấu: Sáng tạo để tiếp tục đổi mới, Diễn đàn kinh tế Việt Nam*, Báo Vietnamnet, 28/01/2012

3. Bùi Tất Thắng, *Chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam: Nhìn từ các điểm yếu*, Báo Đầu tư điện tử, 03/04/2012.

4. Lê Hào, *Việt Nam tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng nào để phát triển bền vững?*, www.tuoitrequangnam.com.vn.